

Bản án số: 1223/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-08-2022

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với tHnh phần Hội đồng xét xử gồm có:

Chủ tọa phiên tòa - Thẩm phán : Ông Tô Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ THnh Viên

Ông Phan Minh Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy An – Kiểm sát viên.

Ngày 10/08/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 495/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh X, sinh năm 1970; Địa chỉ: 59 Nguyễn Văn Công, Phường 3, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1965; Địa chỉ: 59 Nguyễn Văn Công, Phường 3, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/04/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh X trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh H kết hôn vào năm 1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, THnh phố Hồ Chí Minh. Hai người có một con chung là Nguyễn Tấn H, sinh năm 1995. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H thường xuyên đi nhậu, bạo lực gia đình, mắng chửi và đánh đập bà. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà xin ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Con chung đã trưởng tHnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Bà X khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H xác nhận việc kết hôn và có một con chung như lời trình bày của bà X. Đối với yêu cầu ly hôn của bà X, ông H trình bày mâu thuẫn gia đình là do hai bên không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm. Nay bà X yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Về tài sản chung ban đầu ông yêu cầu được chia một phần căn nhà số 59 Nguyễn Văn Công, Phường 3, quận Gò Vấp. Về nợ chung ông khai có nợ Ngân Hàng Sacombank số tiền 400.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông H có thay đổi ý kiến. Cụ thể ông chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện bà X thừa nhận căn nhà số 59 Nguyễn Văn Công, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng. Hiện nay ông chưa có tiền đóng tạm ứng án phí chia tài sản chung, nên ông không yêu cầu chia tài sản chung. Khi nào có điều kiện ông sẽ yêu cầu chia sau.

Tòa án tiến hành hòa giải để động viên các bên trở về đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh X đối với ông Nguyễn Thanh H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn ông H cư trú tại quận Gò Vấp, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo qui định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy trích lục kết hôn số 000704/TLKH-BS, ngày 31/03/2022 của Phòng Tư pháp quận Bình Thạnh cấp, đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà X với ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà X yêu cầu được ly hôn với ông H vì cho rằng ông H thường xuyên đi nhậu, bạo lực gia đình, mắng chửi và đánh đập bà, tình cảm vợ chồng đã hết.

Ông H xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm.

Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Nay bà X xin ly hôn với ông H và ông H cũng xác nhận vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên các bên trở về đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà X và ông H đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà X yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Tấn Hưng, sinh năm 1995, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung bà X không yêu cầu giải quyết. Ông H trình bày có tài sản chung là căn nhà số 59 Nguyễn Văn Công, Phường 3, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh nhưng cũng không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện về phần tài sản chung bằng một vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung bà X khai không có, ông H khai có nợ Ngân Hàng Sacombank 400.000.000 đồng. Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu ông H cung cấp chứng cứ về khoản nợ chung (Hợp đồng vay, địa chỉ Ngân Hàng cho vay) nhưng ông H không cung cấp được, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng bà X chịu.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thanh X đối với ông Nguyễn Thanh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh X được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 79 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho bà X, ông H ngày 29/11/1993 không còn giá trị).

- Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Tấn Hưng, sinh năm 1995, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà X chịu, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số 0048080 ngày 12/04/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà X đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQG;
- CCTHADS QG;
- UBND quận Bình Thạnh,
- Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tô Văn Mạnh